

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-PT

Ngày: 16 - 4 - 2018

V/v tranh chấp về hợp đồng kinh
doanh thương mại tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/KDTM-PT ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần SH; địa chỉ trụ sở Số A đường THĐ, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Lộc P; chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng thương mại cổ phần SH là người được ủy quyền tham gia tố tụng (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền lại số 91/UQ-TGD ngày 13/4/2017 của Phó Giám đốc phụ trách Ban Quản lý và Xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần SH - Chi nhánh LD).

2. Bị đơn:

- Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Vũ Thị L; cùng cư trú tại Thôn A, xã HT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

- Vợ chồng ông Nguyễn Phi L, bà Nguyễn Thị N; cùng cư trú tại Thôn A, xã HT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 05/3/2018, theo dấu đơn đến ngày 15/3/2018)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Vợ chồng ông Đỗ Thanh Q, bà Nguyễn Thị Bạch T; cùng cư trú tại Thôn A, xã HT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Nguyễn Văn P; nơi cư trú tại Thôn A, xã HT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Văn P: Ông Đinh Văn S, nơi cư trú tại Số nhà B, đường PNL, Tổ C, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng là người được ủy quyền tham gia tố tụng (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017 của ông Nguyễn Văn P).

- Bà Nguyễn Thị Lan A; nơi cư trú tại Số nhà C, đường PĐP, Tổ D, phường NM, thành phố KT, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Lan A: Ông Đinh Văn S, cư trú tại Số nhà B, đường PNL, Tổ C, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng là người được ủy quyền tham gia tố tụng (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2017 của bà Nguyễn Thị Lan A).

- Ủy ban nhân dân xã HT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ trụ sở: Thôn A, xã HT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã HT, huyện DL: Ông Vũ Văn P - Chủ tịch UBND xã HT.

4. Người kháng cáo: Ngân hàng TMCP SH – Nguyên đơn

(người đại diện của nguyên đơn, người đại diện của ông P, người đại diện của bà Lan A và ông H có mặt tại phiên tòa; bị đơn vợ chồng ông L, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Q, bà T, bà L và người đại diện của UBND xã HT vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và người đại diện cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SH trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần SH - Chi nhánh LĐ - Phòng giao dịch BL (sau đây viết tắt là Ngân hàng SHB) có cho vợ chồng ông Đỗ Thanh Q, bà Nguyễn Thị Bạch T vay số tiền 600.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 22.10/HĐTD/NH-CN/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010; thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày giải ngân; lãi suất vay thỏa thuận 1,5%/tháng, lãi suất có thể thay đổi theo quy định.

Khi vay vợ chồng ông Q, bà T có thể chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 794627 ngày 13/5/2010 mang tên vợ chồng ông Q, bà T theo Hợp đồng thế chấp số 34/HĐTC ngày 31/5/2010.

Ngoài ra khoản vay trên còn được thế chấp bằng tài sản của người thứ ba gồm:

1. Tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L102714 ngày 29/11/1997 đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Vũ Thị L theo Hợp đồng thế chấp số 22B.10/HĐTC ngày 31/5/2010.

2. Tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L102213 ngày 29/11/1997 đứng tên vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Phi L theo Hợp đồng thế chấp Số 22A.10/HĐTC ngày 31/5/2010. Hiện nay vợ chồng ông Q, bà T chưa trả số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng vay nên Ngân hàng SHB khởi kiện vợ chồng ông Q, bà T tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm Số 06/KDTM-ST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã xử buộc vợ chồng ông Q, bà T phải trả cho phía Ngân hàng SHB số tiền gốc 600.000.000đ và tiền lãi đồng thời tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ.

Do các hợp đồng thế chấp đối với bên thứ ba không xác định được phạm vi bảo đảm nghĩa vụ cụ thể nên không thể thi hành án sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật nên Bản án sơ thẩm Số 06/KDTM-ST ngày 28/9/2012 Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã bị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng kháng nghị theo trình tự thủ tục Giám đốc thẩm. Sau khi nhận được quyết định kháng nghị theo trình tự thủ tục giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì giữa Ngân hàng SHB với vợ chồng ông H, bà L; bà N, ông P mới ký bổ sung phụ lục hợp đồng thế chấp để xác định phạm vi bảo đảm nghĩa vụ cụ thể của từng hợp đồng thế chấp tài sản.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2015/KDTM-GĐT ngày 30/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm Số 06/KDTM-ST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và đình chỉ đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên nội dung “ *Tiếp tục duy trì các biện pháp thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ,*

theo các Hợp đồng thế chấp số 22B.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010; Hợp đồng thế chấp số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 đã ký giữa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng bà L, ông H, vợ chồng bà N, ông L với ngân hàng SHB, phòng giao dịch BL.” Nếu có tranh chấp được giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục chung.

Nay phía Ngân hàng SHB yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Đối với phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Vũ Thị L nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định nghĩa vụ thế chấp của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Vũ Thị L với số tiền gốc 146.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 8.625.834 đồng, lãi quá hạn 253.459.650 đồng, không yêu cầu lãi phạt. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 422.085.000 đồng.

- Đối với phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản của vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Phi L yêu cầu Tòa án xác định nghĩa vụ thế chấp của vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Phi L với số tiền gốc 372.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 21.978.152 đồng, lãi quá hạn 645.801.300 đồng, không yêu cầu lãi phạt. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.039.779.000 đồng.

Nếu vợ chồng ông Q, bà T không trả được khoản nợ được tuyên tại Bản án sơ thẩm Số 06/KDTM-ST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh thì Ngân hàng SHB có quyền yêu cầu Thi hành án kê biên tài sản đã thế chấp của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Vũ Thị L; vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Phi L để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ.

- Đối với yêu cầu phản tố của bà N, qua xem xét Văn bản chứng thực số 04 quyền 01 năm 2014/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 09/12/2014 về việc chứng thực phụ lục hợp đồng thế chấp 03/PLHĐTC ngày 09/12/2014 của Chủ tịch UBND xã HT thì thấy thời điểm ký chứng thực ông L không ký vào Phụ lục hợp đồng thế chấp Số 03/PLHĐTC ngày 09/12/2014; không có mặt tại thời điểm chứng thực. Bà Nguyễn Thị N có yêu cầu tuyên bố Văn bản chứng thực số 04 quyền 01 năm 2014/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 09/12/2014 về việc chứng thực Phụ lục hợp đồng thế chấp 03/PLHĐTC ngày 09/12/2014 của Chủ tịch UBND xã HT là vô hiệu thì Ngân hàng SHB đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, yêu cầu Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L102213 ngày 29/11/1997 mang tên Hộ bà Nguyễn Thị N cho gia đình ông P thì Ngân hàng không chấp nhận.

- Theo bản tự khai và các lời khai tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Ông thừa nhận toàn bộ lời trình bày của đại diện Ngân hàng SHB là đúng. Thực tế vợ chồng ông, bà có ký hợp đồng thế chấp và dùng tài sản của vợ chồng để bảo đảm cho khoản vay của bà T, ông Q tương đương số tiền 146.000.000 đồng.

Nay vợ chồng ông, bà đồng ý dùng tài sản của vợ chồng ông, bà để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ tương đương với số tiền 146.000.000 đồng.

Vì hoàn cảnh gia đình vợ chồng ông bà khó khăn nên đề nghị Ngân hàng chỉ xác định tiền gốc, còn tiền lãi thì miễn cho vợ chồng ông bà.

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của vợ chồng ông Nguyễn Phi L, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vợ chồng ông bà thừa nhận toàn bộ lời trình bày của đại diện Ngân hàng SHB là đúng. Thực tế vợ chồng ông bà có ký hợp đồng thế chấp và dùng tài sản để bảo đảm cho khoản vay của bà T, ông Q, tuy nhiên theo hợp đồng thế chấp thì không xác định số tiền vợ chồng ông bà bảo đảm cho khoản vay cụ thể là bao nhiêu tiền.

Ngày 09/12/2014 Ngân hàng SHB có đến yêu cầu bà N ký vào Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐTC ngày 09/12/2014 và đưa ra UBND xã HT ký chứng thực hợp đồng với nội dung vợ chồng ông bà dùng tài sản diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L102213 ngày 29/11/1997 đứng tên vợ chồng ông bà là hộ Nguyễn Thị N để bảo đảm cho khoản vay tương đương số tiền nợ gốc 372.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi ký hợp đồng thì chỉ có bà N ký còn ông L không ký vào Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐTC ngày 09/12/2014 nhưng Chủ tịch UBND xã HT vẫn ký chứng thực là không đúng. Do vậy bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 22A.10/HĐTC ngày 31/5/2010 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 09/02/2014 ký kết giữa Ngân hàng SHB với bà Nguyễn Thị N là vô hiệu. Yêu cầu Ngân hàng SHB trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L102213 ngày 29/11/1997 đứng tên Hộ bà Nguyễn Thị N.

- Theo bản tự khai, các lời khai tại phiên tòa và đơn xin xét xử vắng mặt của ông Vũ Văn P - Chủ tịch UBND xã HT trình bày:

Ngày 09/12/2014 UBND xã HT nhận được yêu cầu chứng thực Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 03/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL của Ngân hàng SHB với bà Nguyễn Thị N. Sau khi xem xét hồ sơ yêu cầu chứng thực thì Chủ tịch UBND xã HT đã chứng thực hợp đồng tại Văn bản chứng thực số 04 quyền 01 năm 2014/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 09/12/2014. Tuy nhiên, trong hợp đồng này không có chữ ký của ông Nguyễn Phi L và ông L cũng không có mặt tại UBND xã HT để tiến hành chứng thực.

Thời điểm chứng thực chỉ có đại diện của Ngân hàng SHB , bà N và ông Nguyễn Văn P là con của bà N có mặt và ký trong phụ lục hợp đồng. Việc Chủ tịch UBND xã HT ký chứng thực vào Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 09/12/2014 là không đúng với quy định của pháp luật về công chứng chứng thực. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Đinh Văn S đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông Nguyễn Văn P là con của vợ chồng bà N, việc vợ chồng ông L, bà N dùng tài sản của gia đình là quyền sử dụng đất số L102213 ngày 29/11/1997 đứng tên Hộ bà Nguyễn Thị N để thế chấp cho ngân hàng bảo đảm nghĩa vụ của món vay 600.000.000 đồng cho vợ chồng ông Q, bà T thì ông P không biết, ông P chỉ ký Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐTC ngày 09/12/2014 ký kết giữa Ngân hàng SHB với bà N và ông P. Việc ông P có ký vào Hợp đồng thế chấp số 22A.10/HĐTC ngày 31/5/2010 là sau khi ký Phụ lục hợp đồng thì nhân viên ngân hàng có nói rằng ông ký thêm vào Hợp đồng thế chấp số 22A.10/HĐTC ngày 31/5/2010 mục đích là để hợp pháp giấy tờ, như vậy theo ông P khẳng định ông chỉ ký bổ sung theo yêu cầu của ngân hàng. Do diện tích đất và tài sản trên đất là căn nhà thuộc đồng sở hữu chung của cả gia đình, nhưng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Phi L đem thế chấp cho ngân hàng bảo đảm khoản vay của vợ chồng ông Q, bà T mà không có sự đồng ý của ông P nên ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P. Vì vậy ông P khởi kiện yêu cầu xác định Hợp đồng thế chấp số 22A.10/HĐTC ngày 31/5/2010 ký kết giữa Ngân hàng SHB với bà N, ông L và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐTC ngày 09/12/2014 ký kết giữa Ngân hàng SHB với bà N vô hiệu. Yêu cầu Ngân hàng SHB trả lại cho gia đình ông 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L102213 ngày 29/11/1997 đứng tên Hộ bà Nguyễn Thị N.

- Ông Đinh Văn S đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Lan A là con của vợ chồng bà N, việc vợ chồng ông L, bà N dùng tài sản của gia đình là diện tích đất và tài sản trên đất là căn nhà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L102213 ngày 29/11/1997 đứng tên Hộ bà Nguyễn Thị N để thế chấp cho ngân hàng bảo đảm nghĩa vụ của món vay 600.000.000 đồng cho vợ chồng ông Q, bà T thì bà Lan A không ký vào hợp đồng nào. Bà Lan A xác định diện tích đất và tài sản trên đất là đồng sở hữu chung của cả gia đình, việc bà N, ông L tự ý mang thế chấp cho ngân hàng không được sự đồng ý của bà làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Bà yêu cầu Tòa án xác định Hợp đồng thế chấp số 22A.10/HĐTC

ngày 31/5/2014 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐTC ngày 09/12/2014 vô hiệu.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Đỗ Thanh Q và bà Nguyễn Thị Bạch T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không thể ghi được lời khai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm Số 03/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SH về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Xác định phạm vi thế chấp của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Vũ Thị L đối với số tiền gốc 146.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng*).

Tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp tài sản bảo đảm việc thanh toán nợ theo Hợp đồng thế chấp số 22B.10/HĐTC ngày 31/5/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 02/PLHĐTC ngày 09/12/2014 đã ký giữa vợ chồng ông H, bà L với Ngân hàng Thương mại cổ phần SH chi nhánh LĐ phòng giao dịch BL.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SH về xác định phạm vi thế chấp của vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Phi L, với số tiền gốc 372.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi hai triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh.

Tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 22A.10/HĐTC ngày 31/5/2010 ký kết giữa Ngân hàng TMCP SH chi nhánh LĐ phòng giao dịch BL với vợ chồng bà N, ông L và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐTC ngày 09/12/2014 ký kết giữa Ngân hàng TMCP SH Chi nhánh LĐ phòng giao dịch BL với bà N, ông P là vô hiệu.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về xác định Hợp đồng thế chấp số 22A.10/HĐTC ngày 31/5/2010 ký kết giữa Ngân hàng TMCP SH chi nhánh LĐ, phòng giao dịch BL với bà N, ông L và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐTC ngày 09/12/2014 ký kết giữa Ngân hàng TMCP SH chi nhánh LĐ phòng giao dịch BL với bà N, ông L là vô hiệu.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P buộc Ngân hàng TMCP SH trả lại cho vợ chồng ông L, bà N, ông P, bà A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L102213 ngày 29/11/1997 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị N.

5. Về án phí:

- Ngân hàng TMCP SH chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2013/0004889 ngày 16/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Ngân hàng TMCP SH Chi nhánh LD còn phải nộp 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2013/0005071 ngày 04/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2016/0002904 ngày 14/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định.

- Ngày 10/10/2017 ông Đoàn Châu N là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP SH - Chi nhánh LD có đơn Kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm 03/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận Hợp đồng thế chấp số 22C.10/HĐTC/SHB.LD/PGD.BL ngày 31/5/2010; Phụ lục hợp đồng số 03/PLHD/SHB.LD/PGD.BL ngày 09/12/2014 ký giữa Ngân hàng TMCP SH - Chi nhánh LD với vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Phi L,

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng SHB vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết là HĐXX) chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Phi L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nội dung đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ông Đinh Văn S đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Phúc và bà Nguyễn Thị Lan A giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc Thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án Kinh doanh thương mại tại giai đoạn phúc thẩm.

Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi vụ án được xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có kháng cáo, đơn kháng cáo do ông Đoàn Châu N, chức vụ Giám đốc Ngân hàng TMCP SH - Chi nhánh LD (sau đây gọi là SHB Lâm Đồng) ký theo Văn bản ủy quyền số 54/UQ-TGD ngày 02/4/2015 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần SH (sau đây gọi là Ngân hàng SHB), nội dung, hình thức và thẩm quyền ký đơn kháng cáo của đại diện nguyên đơn đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng SHB tham gia tố tụng có bà Nguyễn Lộc P theo Văn bản ủy quyền lại số 91/UQ-TGD ngày 13/4/2017 của Phó Giám đốc phụ trách Ban Quản lý & Xử lý nợ có vấn đề SHB và Văn bản ủy quyền số 22/UQ-TGD ngày 13/02/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng SHB. Các chủ thể tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật về người đại diện hợp pháp.

[2] Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, đề nghị cấp phúc thẩm công nhận Hợp đồng thế chấp Số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010; Phụ lục hợp đồng Số 03/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 09/12/2014 ký giữa SHB Lâm Đồng với vợ chồng ông Nguyễn Phi L, bà Nguyễn Thị N để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng SHB. Vấn đề này HĐXX thấy rằng vào ngày 31/5/2010 Ngân hàng SHB có cho vợ chồng ông Đỗ Thanh Q, bà Nguyễn Thị Bạch T vay số tiền 600.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 22.10/HĐTD/NH-CN/SHB.LĐ/PGD.BL; lãi suất vay 1,5%/ tháng, có thể thay đổi theo quy định; thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 22.10/KUNN/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 số tiền 600.000.000đ ngày trả nợ cuối cùng là 31/5/2011 (BL 38). Khi thực hiện hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng và khách hàng có ký 03 hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ của khoản vay, trong đó có Hợp đồng thế chấp tài sản của người thứ ba là vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Phi L, tài sản thế chấp là thửa đất số 175, tờ bản đồ số 10 gồm diện tích 400m² đất ở nông thôn và 3.178m² đất trồng cây lâu năm, trên đất có một căn nhà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 102213 do UBND huyện Di Linh cấp ngày 19/11/1997 mang tên Hộ bà Nguyễn

Thị N. Tài sản này được bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Phi L ký thể chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010, đăng ký thế chấp ngày 31/3/2010 tại Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Di Linh. Sau đó ngày 09/12/2014 hai bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL để bổ sung phạm vi giá trị bảo đảm nghĩa vụ của tài sản nói trên mà hợp đồng thế chấp trước đó không quy định. Tại thời điểm ký bổ sung phụ lục hợp đồng thì không có sự tham gia ký kết bổ sung của ông Nguyễn Phi L mà có sự tham gia của ông Nguyễn Văn P là con của bà Nguyễn Thị N, đồng thời lúc này ông P được ngân hàng đưa ký cho bổ sung vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 mà vợ chồng bà N, ông L đã ký trước đó. Nay bà N, ông L, ông P và bà Nguyễn Thị Lan A cho rằng thửa đất số 175, tờ bản đồ số 10 gồm diện tích 400m² đất ở nông thôn và 3.178m² đất trồng cây lâu năm, trên đất có một căn nhà tọa lạc tại Thôn A, xã HT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 102213 do UBND huyện Di Linh cấp ngày 19/11/1997 là tài sản chung đồng sử dụng, đồng sở hữu của các thành viên trong hộ gia đình và có yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch thế chấp tài sản nói trên là vô hiệu.

Qua xác minh nguồn gốc tài sản thế chấp nói trên tại Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Di Linh thì tài sản này được hộ bà Nguyễn Thị N đăng ký quyền sử dụng đất vào ngày 19/9/1997, số người sử dụng đất đăng ký vào thời điểm 1997 là 04 người gồm bà N và 03 người đồng sử dụng đất trong hộ gia đình. Thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan đến số nhân khẩu trong hộ gia đình bà N đăng ký tại địa chỉ thửa đất nói trên thì xác định nhân khẩu thường trú tại Thôn A, xã HT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng tại thời điểm đăng ký gồm bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Phi L, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Lan A. Theo lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và đối chiếu so sánh giữa hai bản Hợp đồng thế chấp tài sản số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 trong hồ sơ vụ án thì chữ ký của ông Nguyễn Văn P trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 do Ngân hàng xuất trình được ký vào năm 2014 mục đích là để hợp thức hóa chữ ký của các thành viên trong hộ gia đình bà Nguyễn Thị N nhưng sau này không được ông P đồng ý, hợp đồng thế chấp tài sản này đã bị đình chỉ theo Quyết định giám đốc thẩm số 01/2015/KDTM-GĐT ngày 30/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng do nội dung của hợp đồng thế chấp không xác định phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm nên không thể thi hành án sau khi Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm Số 06/KDTM-ST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã có hiệu lực pháp luật. Thực tế khi thực hiện bổ sung phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản đối với bên thứ ba, phía Ngân hàng cũng đã biết tài sản nói trên theo giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Hộ bà Nguyễn Thị N, trong đó ngoài hai vợ chồng bà N ra còn có ông P và bà Lan A, nên lúc này ngân hàng có yêu cầu ông Nguyễn Văn P là con của bà N và ông L ký bổ sung vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 và trực tiếp ký vào Phụ lục hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên dù ngân hàng có ký bổ sung Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 09/12/2014 để xác định phạm vi nghĩa vụ bảo đảm của bên thế chấp tài sản nhưng lại thiếu các thành viên của hộ gia đình ký xác lập. Đồng thời vẫn còn 01 thành viên của hộ bà Nguyễn Thị N là bà Nguyễn Thị Lan A không được đưa vào tham gia định đoạt trong hợp đồng thế chấp tài sản và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lan A đối với tài sản thế chấp nói trên, giao dịch được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực thi hành nên cần áp dụng các quy định của bộ luật này để giải quyết. Do vậy yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu của bà Lan A, ông Nguyễn Văn A, đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 và yêu cầu tuyên bố Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 09/12/2014 của bà Nguyễn Thị Lan A và ông Nguyễn Phi L vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 109 Bộ luật dân sự năm 2005 về việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của hộ gia đình vào thời điểm các thành viên trong hộ gia đình xác lập giao dịch dân sự. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng SHB đối với yêu cầu xác định phạm vi bảo đảm nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số 22.10/HĐTD/NH-CN/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 tương ứng với khoản tiền nợ gốc là 372.000.000đ và lãi phát sinh (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 09/12/2014, đồng thời chấp nhận yêu cầu yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng bà N và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Lan A tuyên bố hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp vô hiệu là có căn cứ. Buộc ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho các thành viên trong Hộ bà Nguyễn Thị N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 102213 do UBND huyện Di Linh cấp ngày 19/11/1997 mang tên Hộ bà Nguyễn Thị N theo quy định tại Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu khởi kiện bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Vũ Thị L về nghĩa vụ bảo đảm đối với số tiền nợ gốc là 146.000.000đ và khoản nợ lãi phát sinh đã được bản án sơ thẩm giải quyết, các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật. HĐXX phúc thẩm không xét đến.

Từ những nhận định trên HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng SHB. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người có kháng cáo phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Pháp lệnh Số 10/2009/UBTVQH12, ngày 19/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SH đối với bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Phi L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SH đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Vũ Thị L. Trường hợp vợ chồng ông Đỗ Thanh Q, bà Nguyễn Thị Bạch T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số 22.10/HĐTD/NH-CN/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần SH có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Di Linh kê biên phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 22B.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010. Tài sản để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán gồm đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 201 (số cũ là 87) diện tích 100m² đất ở tại nông thôn và 3.610m² đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại Thôn A, xã HT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Phạm vi bảo đảm nghĩa vụ theo Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 09/12/2014 tối đa là 146.000.000đ nợ gốc, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H, bà Vũ Thị L không phải chịu lãi suất.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SH đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Phi L, bà Nguyễn Thị N đối với yêu cầu xác định phạm vi bảo đảm nghĩa vụ của Hợp

đồng tín dụng số 22.10/HĐTD/NH-CN/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 tương ứng với khoản tiền nợ gốc là 372.000.000đ và lãi phát sinh (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 09/12/2014.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà của bị đơn bà Nguyễn Thị N đối với nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SH về việc tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 09/12/2014 vô hiệu.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P đối với nguyên đơn Ngân hàng cổ phần Thương mại SH về việc tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 22 C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 09/12/2014 vô hiệu.

5. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 22C.10/HĐTC/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 31/5/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 03/PLHĐ/SHB.LĐ/PGD.BL ngày 09/12/2014 vô hiệu. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần SH có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Hộ bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Phi L, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Lan A 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 102213 do UBND huyện Di Linh cấp ngày 29/11/1997 mang tên Hộ bà Nguyễn Thị N.

Về án phí:

Buộc nguyên đơn Ngân hàng TMCP SH phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.200.000 đồng (*Hai triệu, hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0004889 ngày 16/10/2015 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003041 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Ngân hàng TMCP SH đã nộp đủ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và còn phải nộp 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2013/0005071 ngày 04/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2016/0002904 ngày 14/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND H. Di Linh (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hồng

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND H. Di Linh (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hồng

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2015/KDTM-GĐT ngày 30/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm Số 06/KDTM-ST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh

